

PHỤ LỤC:

DỰ TOÁN KINH PHÍ PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI DỊCH BỆNH LỖ MÒM LONG MÓNG DO VI RÚT THUỘC SEROTYPE SAT 1

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2026 của UBND xã Nghĩa Giang)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn ngân sách xã	Ghi chú
I	Kinh phí mua vắc xin LMLM (tạm tính)	Liều	1.500	40.000	60.000.000	60.000.000	Vắc xin nhu cầu 3.500 liều. Đề nghị tỉnh cấp 100%, trường hợp không đủ thì xã mua
II	Kinh phí tiêm phòng vắc xin bệnh LMLM chống dịch				41.000.000	41.000.000	
1	Chi phí vận chuyển vắc xin từ tỉnh về xã	Lần	1	500.000	500.000	500.000	Số 11/2025/NQ-HĐND ngày 24/9/2025
2	Bồi dưỡng chỉ đạo tiêm phòng				9.000.000	9.000.000	
-	Phòng Kinh tế (2 người x 5 ngày)	Ngày	10	300.000	3.000.000	3.000.000	
-	Trung tâm CUDVC (4 người x 5 ngày)	Ngày	20	300.000	6.000.000	6.000.000	
3	Công dẫn đường ghi chép của thôn				13.500.000	13.500.000	
-	Thôn: AHN1, AHN2, AHB1, AHB2, Mỹ Thạnh (03 ngày/thôn)	Ngày	15	300.000	4.500.000	4.500.000	
-	Thôn: Xuân Phổ, An Sơn, Mỹ Phú, Mỹ Phước, Hóa Chánh, An Long (05 ngày/thôn)	Ngày	30	300.000	9.000.000	9.000.000	
4	Hỗ trợ lực lượng thú y tiêm phòng				18.000.000	18.000.000	
-	Công thú y tiêm phòng (05 người x 9 ngày/người)	Ngày	45	400.000	18.000.000	18.000.000	
III	Kinh phí mua hóa chất (tạm tính)	Lít	200	170.000	34.000.000	34.000.000	
IV	Chi phí chẩn đoán xét nghiệm (Dự kiến 1 mẫu/thôn)				21.379.000	21.379.000	
1	Chi phí mua dụng cụ, vật tư lấy mẫu				1.920.000	1.920.000	
-	Dụng cụ lấy mẫu	Bộ	1	650.000	650.000	650.000	
-	Ống type 20 ml	Cái	22	10.000	220.000	220.000	

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn ngân sách xã	Ghi chú
-	Khẩu trang dùng 1 lần	Hộp	4	45.000	180.000	180.000	Theo đơn giá Phương án của tỉnh
-	Găng tay y tế	Hộp	1	100.000	100.000	100.000	
-	Bông, cồn, đá lạnh, băng keo	Lần	11	50.000	550.000	550.000	
-	Thùng bảo quản mẫu	Cái	11	20.000	220.000	220.000	
2	Chi phí đi lấy mẫu				6.600.000	6.600.000	
-	Phụ cấp lấy mẫu (02 người/lần x 11)	Ngày	22	250.000	5.500.000	5.500.000	
-	Hỗ trợ xăng xe đi lấy mẫu (02 người/lần x11)	Ngày	22	50.000	1.100.000	1.100.000	
3	Chi phí gửi mẫu xét nghiệm				2.695.000	2.695.000	
-	Tiền gửi mẫu (195.000 đồng/ lần)	Lần	11	195.000	2.145.000	2.145.000	
-	Xăng xe chở mẫu đi gửi	Lần	11	50.000	550.000	550.000	
4	Chi phí xét nghiệm				10.164.000	10.164.000	Số 11/2025/NQ-HĐND ngày 24/9/2025
-	Phát hiện định type vi rút LMLM	Mẫu	11	924.000	10.164.000	10.164.000	
V	Chi công tác tiêu hủy gia súc bị bệnh chết (Dự tính 50% số thôn có dịch X 3 ổ dịch/thôn = 18 ổ dịch)				78.390.000	78.390.000	
1	Chi cho lực lượng kiểm tra, giám sát xã (8 người/ổ dịch*18)	Ngày	144	150.000	21.600.000	21.600.000	
2	Chi phí vận chuyển (xe thô sơ 01 chuyến/ổ dịch * 18)	Chuyến	18	300.000	5.400.000	5.400.000	
3	Thu gom, bốc xếp (03 người/ổ dịch * 18)	Ngày	54	400.000	21.600.000	21.600.000	
4	Đào hố, chôn lấp				14.400.000	14.400.000	
-	Lao động phổ thông (2 người/ổ dịch*18)	Ngày	36	400.000	14.400.000	14.400.000	
5	Khư trung họ chon, nông hộ, phương tiện vận chuyển (01 người /o dịch)					-	
6	Vật tư bảo hộ lao động cho tiêu hủy				15.390.000	15.390.000	
-	Găng tay cao su (01 đôi/người x 3 người/ ổ x 18 ổ dịch)	Đôi	54	100.000	5.400.000	5.400.000	
-	Ủng cao su (01 đôi/người x 3 người/ổ x 18 ổ dịch)	Đôi	54	95.000	5.130.000	5.130.000	
-	Khẩu trang y tế tiệt trùng (6 hộp)	Hộp	6	45.000	270.000	270.000	
-	Đồ bảo hộ 5 món (3 bộ/ ổ dịch*18)	Bộ	54	85.000	4.590.000	4.590.000	

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn ngân sách xã	Ghi chú
VI	Chi phí thông tin tuyên truyền				6.000.000	6.000.000	Theo thực tế
-	Thuê xe đi tuyên truyền	Lần	3	2.000.000	6.000.000	6.000.000	
VII	Kinh phí phô tô biểu mẫu, văn phòng phẩm phục vụ chống dịch	Lần	1	2.000.000	2.000.000	2.000.000	
Tổng cộng:					242.769.000	242.769.000	

Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn đồng